

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN KỶ

Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC
TRẺ MẪU GIÁO 4-5 TUỔI
NĂM HỌC: 2025- 2026**

(Kèm theo kế hoạch số: 150/KH-MN ngày 12 tháng 9 năm 2025)

1.Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

HỌC KỲ I				
T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
		Ổn định nề nếp, thói quan trong các hoạt động, nhận biết ký hiệu đồ dùng cá nhân.		08/09- 12/09/2025
1	Trường mầm non - Bé vui hội trăng rằm (4T)	Trường mầm non thân yêu	1	15/09- 19/09/2025
		Lớp học của bé	1	22/09- 26/09/2025
		Bé vui đón tết trung thu	1	29/09 - 03/10/2025
		Một ngày của bé	1	06/10 - 10/10/2025
2	Bản thân (4T)	Mừng ngày PNVN 20/10, ngày hội của bà, của mẹ.....	1	13/10 - 17/10/2025
		Bé giới thiệu về mình	1	20/10 - 24/10/2025
		Các giác quan và cách bảo vệ	1	27/10 – 31/10/2025
		Bé lớn lên như thế nào?	1	03/11 - 07/11/2025
3	Gia đình - Ngày hội của cô giáo (4T)	Những người thân trong gia đình	1	10/11 - 14/11/2025
		Ngày hội của cô giáo	1	17/11 - 21/11/2025
		Ngôi nhà bé yêu	1	24/11 - 28/11/2025
		Nhu cầu của gia đình Bé	1	01/12 - 05/12/2025
4	Nghề nghiệp (4T)	Khám phá nghề sản xuất nông nghiệp	1	08/12 - 12/12/2025
		Nghề giúp đỡ cộng đồng - Cháu yêu Chú Bộ đội	1	15/12 - 19/12/2025
		Bé yêu cô chú công nhân xây dựng	1	22/12 - 26/12/2025
		Bố mẹ bé làm nghề gì?	1	29/12 – 02/01/2026
		Những con vật sống trong gia đình	1	05/01 – 09/01/2026

5	Thế giới động vật (4T)	Những con vật sống trong rừng	1	12/01 – 16/01/2026
		Những con vật sống dưới nước	1	19/01-23/01/2026
		Côn trùng và chim	1	26/01 – 30/01/2026
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân , Ngày hội 8/3 (6T)	Bé vui đón Tết nguyên đán	1	02/02 - 06/02/2026
		Mùa xuân và những bông hoa đẹp	1	09/02 - 13/02/2026
		Nghỉ tết nguyên đán từ 14/2- 22/02/2026		
		Một số loại quả	1	23/02 - 27/02/2026
		Ngày Hội 8/3	1	02/03 – 06/03/2026
		Một số loại rau	1	09/03 – 13/03/2026
		Cây cần gì để phát triển.	1	16/03 – 20/03/2026
7	Giao thông (3T)	Phương tiện và quy định GT đường bộ, đường sắt.	1	23/03 – 27/03/2026
		PTGT và quy định đường thủy và hàng không	1	30/03 – 03/04/2026
		Bé làm gì khi tham gia giao thông- Tôi yêu Việt Nam	1	06/04 - 10/04/2026
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3T)	Nước và không khí	1	13/04 - 17/04/2026
		Các hiện tượng thiên nhiên	1	20/04 - 24/04/2026
		Thời tiết bốn mùa	1	27/04 – 01/05/2026
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ (3T)	Em yêu quê hương và những di tích lịch sử,danh lam thắng cảnh quê em.	1	04/05 – 08/05/2026
		Em yêu Tổ quốc Việt Nam	1	11/05 – 15/05/2026
		Bác Hồ Kính yêu	1	18/05 – 22/05/2026
	Cộng	9 chủ đề	35 tuần thực học	

2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%-35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%-60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn. - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Đảm bảo thực đơn của trẻ không trùng lặp lại trong 2 tuần.	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày(kể cả nước trong thức ăn). Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông sử dụng bình ủ nước để ủ nước ấm cho trẻ uống. <i>b. Chăm sóc bữa ăn * Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. <i>* Trong khi ăn:</i> - Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ - Sau khi chia xong, thức ăn chuyển cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ. Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn. - Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.		
--	--	--	--

	- Cô theo dõi hướng dẫn trẻ ăn chậm, nhai kĩ, động viên trẻ ăn hết suất và tiếp thêm cơm, thức ăn nếu trẻ có nhu cầu. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. Trẻ biếng ăn nên xếp ngồi gần trẻ ăn giỏi để thi đua. Kết hợp giáo dục dinh dưỡng trước và trong khi trẻ ăn. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh, đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung. Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). <i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ.		

2. Tổ chức giấc ngủ	- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, trải sạch ngủ, lấy chăn gối. - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). - Sau bữa ăn khoảng 30 phút cô có thể tổ chức cho trẻ ngủ. * <i>Trong khi ngủ</i> - Nhắc trẻ nằm ngay ngắn khi ngủ. Giáo viên có thể mở nhạc hát ru cho trẻ dễ đi vào giấc ngủ, giúp trẻ ngủ ngon hơn. Tôn trọng tư thế ngủ của trẻ. Không được kéo chăn trùm kín đầu, không để trẻ nằm sấp, úp mặt vào gối. - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * <i>Sau khi thức dậy</i> - Để trẻ tự thức giấc, không đánh thức đồng loạt. - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	
	<i>a. Vệ sinh cô:</i> - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng,		

3. Tổ chức vệ sinh	móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. <i>Vệ sinh cá nhân trẻ</i> - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh và vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong trường hợp trẻ lỡ bày bẩn giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải sử dụng nước ấm. - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng, pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.	Giáo viên và bảo vệ	
---------------------------	--	----------------------------	--

	<i>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</i> <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh).		
--	--	--	--

	+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khẳn ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	<i>a. Chăm sóc sức khỏe</i> <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ.	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	<i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Đặc biệt là dịch bệnh covid19. Chú ý khi nhiều trẻ trong nhà trường bị mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. <i>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</i> - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy. - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ		
--	--	--	--

	uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

1. Kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục độ tuổi 4- 5 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
<i>Lĩnh vực phát triển thể chất</i>	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Cân nặng của trẻ nằm trong kênh A: + Trẻ trai: 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái: 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao của trẻ nằm trong kênh A. + Trẻ trai: 100,7 – 119,1 cm + Trẻ gái: 99,5 – 117,2 cm	- Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G, L, VTM - Cho trẻ ngủ đủ giấc - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Tiêm chủng phòng bệnh theo quy định. - Tập luyện TDTT thường xuyên. - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ Trẻ được khám sức khỏe ít nhất 1 lần trong năm học.
2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong 4 nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) Thịt, cá,..có nhiều chất đạm; Rau, quả,...có nhiều vitamin,...

3. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết các món ăn trong bữa ăn hàng ngày ở trường và ở nhà.
4. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
5. Trẻ biết thực hiện một số việc khi được nhắc nhở.	- Rèn cho trẻ rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Rèn cho trẻ tự lau mặt - Giáo dục trẻ đánh răng sau khi ngủ dậy và sau khi ăn. Tập cho trẻ đánh răng sau khi ăn tại trường - Tập cho trẻ tự mặc áo, thay quần áo khi bị ướt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - <i>Bỏ rác đúng nơi qui định.</i> - <i>Cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định một cách gọn gàng.</i>
6. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Rèn cho trẻ tự xúc ăn gọn gàng trong các bữa ăn hàng ngày
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Dạy trẻ mời cô, mời bạn khi ăn - Trẻ ăn từ tốn, nhai kỹ - Không làm rơi vãi cơm - Không nói chuyện khi ăn - <i>Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau</i> *KNS: Phòng chống hóc xương cá. - Bé làm gì khi bị đau, chảy máu. tránh bị kiến, muỗi cắn.... - <i>Tiệc buffet cho trẻ.</i>

	- Vệ sinh răng miệng (uống nước, súc miệng sạch sẽ, không ngậm cơm trong miệng).
8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Dạy trẻ lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Giáo dục trẻ lợi ích của việc ăn mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Dạy trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh. - Biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường sạch sẽ.
9. Biết một số vật dụng nguy hiểm trong trường lớp, gia đình và nơi công cộng... và biết cách phòng tránh. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Quan sát và trò chuyện về những vật dụng trong trường lớp MN và không chơi gần, đùa nghịch: đồ dùng, đồ chơi sắc nhọn (kéo, bút chì...). - Nhận biết và cách phòng tránh về những vật dụng nguy hiểm trong gia đình: bàn là, bếp lửa, bếp ga, phích nước nóng, bật lửa, dao kéo..., không đùa nghịch và chơi gần nồi canh, cơm còn nóng. - Nhận biết và phát hiện những đồ dùng, đồ chơi trong lớp không an toàn và báo với người lớn. - VTV7- Kids: Lớp học cầu vồng - Giáo dục tập thể: các kỹ năng phòng tránh cho trẻ
10. Biết một số nơi không an toàn trong trường lớp, gia đình và nơi công cộng... và biết cách phòng tránh: Hồ, ao, ruộng nước, bể chứa nước,...là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Dạy trẻ nhận biết những nơi không an toàn, không đến gần những nơi không an toàn như ao, hồ, ruộng nước, giếng, ... - <i>Kỹ năng phòng tránh đuối nước</i> - Nhận biết và phát hiện, tránh những nơi không an toàn (ao, hồ, ruộng nước, bể chứa nước, giếng...) và không được chơi gần. - VTV7- Kids: Lớp học cầu vồng - GD KN: Tránh xa những nơi không an toàn
11. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi bị nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh các hành động nguy hiểm: + Không cười khi ăn, uống

	+ Không ăn thức ăn ôi thiu + Không uống nước lã + Không tự ý uống thuốc + Không đi với người lạ + Không đi ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
12. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Không cười, đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Không trêu đùa chó, mèo, trâu, bò... - Không leo trèo, xô đẩy nhau. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, sốt. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. *KNS: Kỹ năng phòng tránh bắt cóc và không đi theo người lạ
* Phát triển vận động	
13. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	Thể dục sáng, bài tập vận động cơ bản - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn:
14. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. - Nhảy lò cò 3m. - Đi trên ghế thể dục

	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. -BAT liên tục về phía trước. -BAT xa 35 - 40cm. -BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). -BAT tách chân, khép chân qua 5 ô. BAT qua vật cản cao 10 - 15cm.
15. Trẻ phối hợp tốt tay- mắt trong vận động: Tung, đập, ném, bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện(khoảng cách 3m). - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném xa 2m bằng một tay - Ném xa 2m bằng hai tay - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) bằng 1 tay - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
16. Trẻ kiểm soát được vận động đi, chạy	- Chạy đổi hướng theo vật chuẩn - Đi đổi hướng theo vật chuẩn - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy chậm 60- 80m
17. Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1.5cm x 30cm - Trèo lên xuống 5 giống thang - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.
18. Trẻ biết thực hiện các vận động Cuộn, xoay cổ tay, gấp, mở các ngón tay	- Xoay khớp cổ tay, gấp mở các ngón tay - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay - Vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gán, nối các mảnh ghép, sợi dây,... - VTV7 Kids: Những người bạn cầu vòng-Sáng tạo 102.

	- Luyện tay: Búng ngón tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, quay ngón tay, gấp mở các ngón tay, xoay cổ tay... tập nhặt đậu, bóc lạc, luyện kỹ năng gấp đĩa. - Các trò chơi dân gian với các ngón tay: chi chi chành chành, chông nự, chông hoa, cua bò... - Trò chơi: Bóc cam, pha nước cam, rót nước, lau bàn, xếp quần áo...(Montessori) - Cài, cời cúc, khâu, luồn, buộc dây (Montessori) - Dùng tay tạo hình, minh họa hoạt động của các con vật (con thỏ, con chim, con chó). - Lật, mở trang sách. - Xếp chồng, lắp ghép hình - Gập giấy. - Biết tết sợi đôi.
19. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động	- Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cời cúc, buộc dây dày, kỹ năng <i>xếp quần áo</i>
*Lĩnh vực phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
20. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây héo? vì sao lá cây úớt?,...	Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối, với môi trường sống - Quan sát tìm hiểu cây cối, con vật, các sự vật, hiện tượng: mưa, gió, sấm chớp, nắng,... - Các thí nghiệm đơn giản: Vật chìm nổi, sự bay hơi của nước, Hạt nảy mầm và sự phát triển của cây..... - Xem các phim hoạt hình khám phá thế giới động, thực vật và các hiện tượng thiên + HĐ: Xem và trò chuyện về các bức ảnh mặt trời. Nhận biết các hình thái của trăng. - <i>VTV7 Kids: Lớp học cầu vồng- Thế giới diệu kỳ của Bool Bool.</i>

	<i>*KNS. Kỹ năng mặc áo mưa, đội ô, chọn trang phục phù hợp với mùa</i> - Sự phát triển của cây từ hạt (Steam) - Vòng đời phát triển của các con vật sống gần gũi (Steam)
21. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự việc, sự vật, hiện tượng để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Quan sát, tìm hiểu các đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông - Quan sát, tìm hiểu các con vật, hiện tượng thời tiết - Quan sát, tìm hiểu cây, người hoa, quả, nếm các loại quả,..
22. Trẻ làm một số thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, màu nước - Đặc điểm tích chất của cát, đá, đất, sỏi. - Sự kỳ diệu của nước; Sự bay hơi của nước; chìm nổi; Tan hay không tan... + Thử nghiệm về gió, cát, sỏi...(Steam) + Pha màu và thử nghiệm với đường, muối, nước (Steam) + Sự bay hơi của nước (Steam) + Vật chìm, nổi, hoa giấy nở.... (Steam) * Steam: Đèn dung nhan phun trào; Núi lửa phun trào; Sức mạnh lan tỏa; Kẹo sắc màu cầu vồng; Lốc xoáy mi ni... - Sự nảy mầm của hạt, sự phát triển của cây.
23. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Cho trẻ xem sách, tranh ảnh, video về con vật, cây cối, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông. - Trò chuyện với trẻ, cho trẻ nhận xét các đối tượng. - Thực hành trải nghiệm: chơi các trò chơi với cát, đá, sỏi, nước + Thiết kế trường mầm non, thiết kế ngôi nhà.... (Steam)
24. Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi

	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1- 2 dấu hiệu - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1- 2 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Hiện tượng tự nhiên: (Mưa, lũ quét, sạt lở đất, Bão, lốc xoáy, gió, hạn hán)
25. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi	- Nhận xét kết quả các thí nghiệm đơn giản - Các nguồn nước trong môi trường sống - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Đặc điểm tích chất của cát, đá, đất, sỏi.
26. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
27. Trẻ nói lên được nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Đặc điểm, ích lợi, tác hại của cây cối, hoa, quả con vật và cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.
28. Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,...	- Hát, tạo hình, tìm hiểu, các trò chơi về đồ dùng, đồ chơi, các phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật với đời sống con người.
29. Tham gia một số hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế.	- Các hoạt động thực hành, trải nghiệm. - Tham quan vườn hoa, vườn cây, vườn rau... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

	- Thực hành Một số quy định về an toàn giao thông: + Hướng dẫn trẻ nhận biết đèn giao thông, tín hiệu, biển báo giao thông, các làn đường đi bộ; + Hướng dẫn trẻ cách đảm bảo an toàn khi đi bộ trên đường: Đi bộ trên đường, Đi bộ qua đường, Đi bộ từ ngõ ra đường chính; + Hướng dẫn trẻ đảm bảo an toàn khi ngồi trên xe máy; + Hướng dẫn trẻ đảm bảo an toàn khi ngồi trong xe ô tô. + Lồng ghép chương trình “Tôi yêu Việt Nam” phiên bản “Vui giao thông”; Chương trình POPS Kids TV – Kênh giáo dục và giải trí; phim hoạt hình 26 tập VTV3 vào tối thứ 7 hàng tuần *KNS: Kỹ năng vắt nước cam, bé nhặt rau.... Bảo vệ vùng kín
* Làm quen với một số khái niệm toán sơ đẳng	
30. Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng.	- Quan sát, đếm, quan tâm đến các con số và số lượng.
31. Trẻ đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10 . Một số trẻ đếm được bằng tiếng Anh.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Sử dụng được các số đếm trong tiếng Anh theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Tạo nhóm có 3 đối tượng, đếm đến 3. Nhận biết chữ số 3 (Số 3 tiết 1) - Tạo nhóm có 4 đối tượng, đếm đến 4. Nhận biết chữ số 4 (Số 4 tiết 1) - Tạo nhóm có 5 đối tượng, đếm đến 5. Nhận biết chữ số 5 (Số 5 tiết 1) - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids: 123 ta cùng đếm/Dạy bé học đếm số tiếng Việt.</i>
32. Trẻ so sánh được, kích thước, số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng

các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 tiết 2) + So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 2) + So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 2) - So sánh kích thước của các đối tượng + Nhận biết, so sánh chiều dài của 3 đối tượng. + Nhận biết, so sánh chiều cao của 3 đối tượng + Nhận biết, so sánh chiều rộng của 3 đối tượng + Nhận biết, so sánh độ lớn của 3 đối tượng - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids: 123 ta cùng đếm/Dạy bé học đếm số tiếng Việt.</i>
33. Trẻ biết tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
34. Trẻ biết sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng và số thứ tự	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - VTV7 Kids: 123 Ta cùng đếm.
35. Trẻ nhận biết được ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(số xe, số điện thoại,...)
36. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
37. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
38. Trẻ chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa các hình. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình tròn, tam giác, hình vuông, chữ nhật - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
39. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác.

40. Trẻ mô tả được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng- Trưa- Chiều- Tối - Trò chuyện, trao đổi cùng cô và người lớn về các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian trong ngày.
* Khám phá xã hội	
41. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <i>Trẻ biết một số kỹ năng tự bảo vệ bản thân mình khỏi xâm hại tình dục</i> <i>* Nói được tên, tuổi của bản thân bằng tiếng anh.</i>	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - KNS: Bảo vệ cơ thể. Lời nói tự tin. Tự tin giới thiệu bản thân - Steam: Làm sạch giới thiệu về bản thân, Làm kính đeo mắt, pha chế nước giải khát... - Ứng dụng bài học trên kênh VTV7 kids (Dạy bé tự bảo vệ mình khỏi xâm hại tình dục). - Tôi có điều bí mật -- <i>My name is ... (Tên tôi là...); I am <u>three/four/five</u>... year old (Tôi 3/4/5 tuổi)</i>
42. Trẻ nói được họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Biết được một số từ tiếng Anh chỉ các thành viên trong Gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu gia đình - Biết và sử dụng các từ tiếng anh chỉ thành viên trong gia đình theo khả năng: Father -bố; Mother (Mom/Mum) – Mẹ, Brother -Anh/Em trai; Sister - Chị/Em gái; Grandmother -bà, Grandfather - ông.....
43. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	- Tìm hiểu về gia đình bé - Ngôi nhà của bé - Trò chơi: Nhà bạn ở đâu; Về đúng nhà.
44. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trường Mầm non Diên Kỷ của bé. - Lớp học của bé - Các hoạt động trong trường Mầm non
45. Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô, bác công nhân viên trong nhà trường khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và công việc của các cô các bác trong trường
46. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp - Các hoạt động của trẻ ở trường

47. Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm, lợi ích của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến tại địa phương: Sản xuất nông nghiệp, xây dựng, bác sỹ,... - Steam: Tên lửa giấy. Cano. Máy bay xoay vòng. Xe đua siêu tốc - Ứng dụng bài học trên kênh VTV7 kids (Lớn lên em muốn làm gì?/Hướng nghiệp giáo dục cho các bé)
48. Trẻ kể được tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội của quê hương, đất nước + Ngày hội bé đến trường + Tết trung thu + Ngày hội của cô giáo + Ngày tết của chú bộ đội + Tết và mùa xuân - Steam: Tự chế loa mini. Rồng tết. Hoa tuyết sắc màu. Pháo hoa mini + Ngày vui 8/3. + Ngày SN bác Hồ- 19/5
49. Trẻ kể được tên và nêu đặc điểm của một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam của quê hương Diễn Kỷ, thắng cảnh của quê hương Nghệ An, đất nước Việt Nam.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
* Nghe và hiểu lời nói	
50. Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2- 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.
51. Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát. Trẻ hiểu một số từ tiếng anh đơn giản theo chủ đề	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng (đồ dùng, động vật, thực vật...) và các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ,... - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Biết một số từ tiếng anh đơn giản theo chủ đề - Nghe hiểu một số từ tiếng anh đơn giản theo chủ đề

52. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
53. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có âm khó - Trả lời được các câu hỏi Ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
54. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,.. -Trẻ biết sử dụng một số từ chỉ sự vật, hiện tượng, con vật, màu sắc bằng tiếng anh khi được làm quen.	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động. - <i>Trẻ nghe và ghi nhớ một số từ tiếng Anh đơn giản về một số con vật gần gũi, cây, hoa, màu sắc.....</i>
55. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Đặt câu hỏi cho trẻ, gợi mở cho trẻ đặt câu hỏi cho cô và bạn. - Cho trẻ đóng vai vào các hoàn cảnh giao tiếp. - Nghe hiểu nội dung câu chuyện: * Chủ điểm Trường mầm non và tết trung thu Mèo con đi học, món quà của cô giáo (Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Nếu không đi học (Thu Hằng) * Chủ điểm Bé và các bạn Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Gấu con bị sâu răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên) * Chủ điểm Gia đình thân yêu và ngày hội của cô giáo

	Gấu con chia quà; Niềm vui từ bát canh cải, Cây khế, Bé và chuyện bao ny lông (Điều an) * Chủ điểm những nghề bé yêu Người làm vườn và các con trai, Thần sắt, * Chủ điểm những con vật gần gũi Chú khỉ tinh khôn, Cáo thỏ và gà trống, Sự tích mùa xuân, Cóc kiện trời (Theo truyền thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà (Thanh Mai), Chú vịt xám (Thu Thủy), Chuột, gà trống và mèo (Thúy Toàn dịch), Chú dê đen, tích chu, ba chú lợn con. * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết nguyên đán và ngày 8/3 Con hãy đợi rồi sẽ biết, Trái cây trong vườn, Cây táo thân, Cây rau của thỏ út, Sự tích hoa mào gà, Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi), Nỗi đau của lá (Sưu tầm) * Chủ điểm những phương tiện, quy định giao thông Kiến con đi xe ô tô, Kiến con thi an toàn giao thông; Một chuyến tham quan... * Chủ điểm Nước các hiện tượng thời tiết và nguyên vật liệu thiên nhiên Giọt nước tý xiu, Đám mây xấu xí, Cóc kiện trời * Chủ điểm Quê hương, đất nước, Bác Hồ và trường tiểu học Thánh gióng, Quả táo của Bác Hồ; Thế là ngoan - VTV7 Kids: Chuyện kể của những chú cừu.
56. Trẻ kể lại được sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
57. Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao	- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, ... phù hợp với độ tuổi * Chủ điểm Trường mầm non và tết trung thu

	Tình bạn (Trần Thị Hương), thư của bé (Hoàng thị dân) Gà học chữ, bé học toán, làm quen chữ số, tình bạn, trắng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn(Việt Quỳnh). * Chủ điểm Bé và các bạn Đôi tay của bé, Phải là hai tay (Phạm Cúc), Mắt để làm gì (Phạm Hổ), Miệng xinh (Phạm Hổ), Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương), Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng * Chủ điểm Gia đình thân yêu và ngày hội của cô giáo Lấy tắm cho bà (Định Hải), Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyện), Bó hoa tặng cô, Thăm nhà bà (Như Mao), Quạt cho Bà ngủ (Thạc Quỳ), Khách Cả nhà chống bão (Sưu tầm) * Chủ điểm những nghề bé yêu Đi bừa; Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Chú giải phóng quân (Cầm Thor); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), tâm sự của bức tường (Sưu tầm) bé quét rác (Hoàng thị Dân) ... * Chủ điểm những con vật gần gũi Chú gà con (Vương Trọng), Con trâu (Thanh Thản), Rong và cá (Phạm Hổ), Con vỏi con vỏi (Đồng dao), Tết dang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Cây đào (Nhược Thủy), ong và bướm, chim chích bông * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết nguyên đán và ngày 8/3 Cây bàng (Xuân Quỳnh), Bó hoa tặng cô, Dừa (Phạm Hổ), Bác bầu bác bí (...), Hoa mào gà (Thanh Hào), Hoa phượng, Ghét bão thương
--	---

	Cây (Suru tâm), Rau ngót rau đay (Hồng Thu suru tâm), cây đào, hoa kết trái, cây dây leo, cô dạy con * Chủ điểm những phương tiện, quy định giao thông Xe chữa cháy (Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh (Định Hải), Xe đổ rác (Suru tâm), Xe Cản cầu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy (Suru tâm), Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp, Em yêu đường sắt quê em, Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Suru Tâm) * Chủ điểm Nước các hiện tượng thời tiết và nguyên vật liệu thiên nhiên Trưa hè, Gió (Đăng Hân), Trưa hè (Dạ Thảo), Mùa hè của em(Tuyết Hoa phỏng Trăng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trắng sáng(Nhược Thủy- Phương Hoa), Mùa hạ tuyết vời (Phạm Hưng Long) Nắng thua em rồi (Suru tâm), khi cơn bão đến (Suru tâm), nắng thua em rồi (Suru tâm) * Chủ điểm Quê hương, đất nước, Bác Hồ và trường tiểu học Ai dậy sớm (Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển, Buổi sáng, Bác thăm nhà cháu, Em vẽ Bác Hồ, ... <i>- Ứng dụng kênh Bookids (Thơ hay cho bé, Đồng dao)</i>
58. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã được nghe
59. Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch <i>- Ứng dụng kênh Bookids: Truyện cổ tích/Truyện dân gian/Truyện kể bé nghe.</i>
60. Trẻ sử dụng được các từ như: Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi, ...phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép

61. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
* Làm quen với đọc- viết	
62. Trẻ biết chọn sách để xem, cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh “đọc” sách theo tranh minh họa.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách sử dụng sách, đọc sách - Suu tầm sách, truyện trên mạng có nội dung phù hợp lứa tuổi, chủ đề. - Ngày hội sách - Làm sách sưu tầm ở góc sách. - Xây dựng góc thư viện của bé: Tạo cho trẻ thói quen đọc sách, truyện vào một thời điểm nhất định trong ngày. - Trò chuyện cùng với trẻ để trẻ nêu tên các loại sách, truyện mà trẻ thích. - Làm quen với sách, truyện. - - Tổ chức các hoạt động xem sách, đọc sách tại góc sách truyện, thư viện - Đọc truyện qua sách, tranh vẽ - Phân biệt đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
63. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
64. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày	- Làm quen một số lý hiệu: Nhà vệ sinh nam, vệ sinh nữ, cấm sờ vào ổ điện, các biển báo giao thông, ký hiệu đồ dùng cá nhân,... *KNS. Thực hành đi qua ngã tư đường phố
65. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
66. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
67. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). * Chủ điểm trường mầm non của bé

nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Đi học (Nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời: Minh Chính- Bùi Đình Thảo), Cô giáo (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường, Lời thơ: Nguyễn Hữu Tường), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc, Lời: Mộng lân), ngày đầu tiên đi học * Chủ điểm Bé và những người bạn Năm ngón tay ngoan, Tổ ấm gia đình, Thật đáng chê, Chỉ có một trên đời. * Chủ điểm Gia đình thân yêu Tổ ấm gia đình, Thật đáng chê, Chỉ có một trên đời, Ba ngọn nến lung linh, Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng), Niềm vui gia đình (Hoàng Vân), Bài ca người giáo viên nhân dân (Nguyễn Minh Châu), Bó là tất cả (Thập Nhất), Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo) Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ của của chú bộ đội Cô giáo miền xuôi, Hạt gạo làng ta, Lớn lên cháu lái máy cày (<i>Kim Hữu</i>); Bác đưa thư vui tính (<i>Hoàng Lân</i>), Màu áo chú bộ đội, . * Chủ điểm Những con vật đáng yêu Tôm cua cá thi tài, Gà gáy, Đuổi chim (Nhạc: Việt Anh, Lời: Nhược Thủy), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) * Chủ điểm Thế giới thực vật và tết nguyên đán Màu hoa, Bầu bí thương nhau, Lý cây xanh... Lý cây bông (Dân ca Nam bộ), Lý chiều chiều * (Dân ca nam bộ), Tết đến rồi, Mùa xuân ơi * Chủ điểm Phương tiện, quy định GT và ngày 8/3 Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến), Bài ca cảnh sát giao thông (Trần Gia Cường), Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao,
---	---

	Lời thơ: Xuân Quỳnh), Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến), Dân ca tự chọn * Chủ điểm Nước, các hiện tượng tự nhiên và nguyên vật liệu thiên nhiên Mưa rơi (Dân ca Xá), Bèo dạt mây trôi (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) Dân ca tự chọn, ...Phao boi, Con kênh xanh xanh, Hạt nắng hạt mưa, Mưa rơi (Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa (Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn), Tôi là gió (Trịnh Tuấn Khanh) * Chủ điểm Quê hương yêu dấu, Bác Hồ của em * Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh), Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo, Quê hương (Nhạc: Giáp Văn Thạch, Lời thơ: Đỗ Trung Quân), Em là chim câu trắng (Trần ngọc), Nhớ giọng hát Bác Hồ, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong Nhã), ...
68. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. * Chủ điểm trường mầm non của bé Vui đến trường (Hồ Bắc), Trường chúng cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên), Hoa trường em (Dương Hưng Bang), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên) * Chủ điểm Bé và những người bạn Cái mũi (nhạc Anh), Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng), Nắm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Mời bạn ăn (Trần Ngọc) Bạn ở đâu? Hãy xoay nào, Cái mũi, Mời bạn ăn, Bạn có biết tên tôi? (Lê Đức- Thu Hiền) Mừng sinh nhật (Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung) * Chủ điểm Gia đình thân yêu

	Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Nhà của tôi, Cô và mẹ (Phạm Tuyên) Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), * Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ của chú bộ đội Nhà của tôi (Thu Hiền), Bé quét nhà, Mẹ Đi Vắng(Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn Quang Dũng, cháu yêu cô chú công nhân, cháu yêu cô thợ dệt, ba em là công nhân lái xe, Cháu thương chú bộ đội (<i>Hoàng Văn Yến</i>); Chú bộ đội đi xa; * Chủ điểm Những con vật Cá vàng bơi (<i>Hà Hải</i>); Chú voi con (<i>Phạm Tuyên</i>); Vật nuôi (<i>Nhạc: Anh.Dịch: Đào Ngọc Dung</i>; Con chuồn chuồn (<i>Vũ Đình Lê</i>); Chim chích bông (<i>Nhạc: Văn Dung - Lời Nguyễn Viết Bình</i>), Chú voi con ở bản Đôn (<i>Phạm Tuyên</i>); * Chủ điểm Thế giới thực vật và tết nguyên đán Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hồ); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Quả (Xanh Xanh); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu), Quà mừng 8/3 (Hoàng Long) * Chủ điểm Phương tiện, quy định GT và ngày 8/3 Lái ô tô (Đoàn Phi); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, Ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc; Ngô Quốc Tính, Lời thơ: Tường Vân); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Lái máy bay * Chủ điểm Nước, các hiện tượng tự nhiên và nguyên vật liệu thiên nhiên Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung
--	--

- Hát thuộc lời và đúng gia điệu bài Quốc Ca., - Hát được một số bài hát tiếng Anh	* Chủ điểm Quê hương yêu dấu, Bác Hồ của em Lá cờ nhỏ (Tạ Quang Thắng); Em yêu thủ đô (Bảo Trọng); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) Tìm bài hát về biển đảo *Biểu diễn các bài hát cuối chủ đề <i>*Dạy trẻ hát quốc ca</i> *Trẻ hát được 1 số bài hát tiếng Anh: ABC song, happy birthday....
69. Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của các bài hát, bản nhạc.
70. Trẻ biết tự lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids (Những người bạn cầu vồng)</i>
71. Trẻ biết chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát <i>Bước đầu nhận biết một số nhạc cụ dân tộc</i>	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - <i>Nhận biết một số nhạc cụ dân tộc: Sáo, đàn nhị, khèn, trống cơm,</i>
72. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...)của tác phẩm tạo hình.	- Quan sát các tác phẩm nghệ thuật, các sản phẩm tạo hình. - Nhận xét, đánh giá sản phẩm tạo hình. - Xem sách, tranh, tác phẩm nghệ thuật. - Ngày hội "Sắc màu tuổi thơ".
73. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids (Sáng tạo 102: Dạy thủ công cho trẻ)</i>
74. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng kỹ năng vẽ để vẽ, tô màu các bức tranh phù hợp với chủ đề.
75. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	- Sử dụng kỹ năng xé, cắt, dán các bức tranh phù hợp với chủ đề
76. Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn	- Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra các sản phẩm phù hợp với chủ đề.

để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng kỹ năng gấp, xếp để tạo ra các sản phẩm có hình dáng khác nhau
77. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng gấp, xếp hình để tạo thành các sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau	* Chủ điểm trường mầm non của bé <i>Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường</i> <i>Tô màu cô giáo và các bạn</i> <i>Vẽ đồ chơi trong lớp học</i> <i>Cắt dán hàng rào trường</i> <i>MN Nặn đồ chơi bé thích.</i> * Chủ điểm Bé và những người bạn <i>Trang trí áo bé trai- váy bé gái</i> <i>Tô màu vòng đeo cổ</i> <i>Cắt dán đôi tất</i> <i>Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc</i> <i>Nặn các loại bánh.</i> * Chủ điểm Gia đình thân yêu <i>Vẽ, tô màu người thân trong gia đình</i> <i>Cắt dán ngôi nhà</i> <i>Xé, dán bông hoa trang trí cửa sổ</i> <i>Nặn đồ dùng gia đình (Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống)</i> <i>Xếp nhà, xếp đường đi.</i> * Chủ điểm Những nghề bé yêu <i>Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông</i> <i>Gấp và cắt dán phong bì</i> <i>Cắt, dán cái thang cho chú công nhân</i> <i>Xé, dán trang trí bình hoa tặng cô giáo</i> <i>Làm bưu thiếp tặng cô giáo.</i> <i>Làm đồ dùng, sản phẩm các nghề từ nguyên vật liệu thiên nhiên</i> * Chủ điểm Những con vật và ngày lễ của chú bộ đội <i>Vẽ tô màu con bướm</i> <i>Xé, dán đàn cá</i>

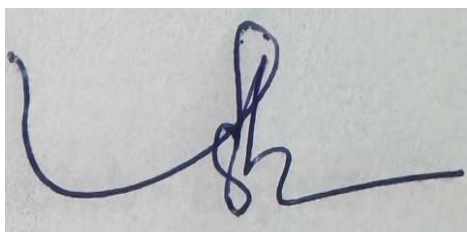
	<i>Cắt, dán con vật sống dưới nước</i> <i>Gấp con chó.</i> <i>Làm con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên</i> * Chủ điểm Thế giới thực vật và tết nguyên đán <i>Vẽ, tô màu cây xanh</i> <i>Vẽ, tô màu rau, củ, quả bé thích</i> <i>Vẽ vườn hoa mùa xuân</i> <i>Cắt, dán hoa</i> <i>Xé dán quả</i> <i>Cắt dán trang trí cây thông</i> <i>Nặn bông hoa.</i> <i>Nặn các loại quả tròn, quả dài.</i> <i>Làm hoa, quả, cây từ nguyên vật liệu thiên nhiên</i> * Chủ điểm Phương tiện, quy định GT và ngày 8/3 Vẽ theo đề tài <i>Vẽ, tô màu tàu hỏa</i> <i>Vẽ, tô màu ô tô</i> <i>Xé dán máy bay.</i> <i>Xé, dán máy bay trực thăng</i> <i>Nặn bánh xe.</i> <i>Gấp ô tô Buýt</i> * Chủ điểm Nước, các hiện tượng tự nhiên và nguyên vật liệu thiên nhiên Vẽ, tô màu cảnh mùa hè <i>Vẽ chiếc ô</i> <i>Cắt dán cầu vồng</i> <i>Xé, dán mặt trời và những đám mây</i> <i>Làm chong chóng.</i> <i>Tạo hình các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu thiên nhiên cát, đá, sỏi, đất, ...</i> * Chủ điểm Quê hương yêu dấu, Bác Hồ của em <i>Trang trí khung ảnh bác hồ</i>
--	---

	<i>Trang trí dây hoa chào mừng 30/4 và 1/5 bằng dầu vân tay</i> <i>Cắt dán hoa mừng sinh nhật Bác</i>
79. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
79. Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình
* Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
* Thể hiện ý thức về bản thân	
80. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói sở thích của bản thân, nói được việc trẻ làm được và không làm được - Steam: Đồng hồ đeo tường. Kem đánh răng khổng lồ - KNS: Kỹ năng giới thiệu bản thân, ước mơ của bé, , kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ cần thiết, kỹ năng thuyết trình trước mọi người
81. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính bản thân - Tên bố mẹ
* Thể hiện sự tự tin, tự lực	
82. Trẻ tự chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích. Trẻ chơi thân thiện với bạn.	- Các đồ chơi và trò chơi trẻ thích. - Chơi với tất cả các bạn trong lớp, không tranh dành đồ chơi của bạn, không đánh bạn. - Mạnh dạn đề xuất các ý kiến, tự lựa chọn đồ chơi, mạnh dạn tham gia các hoạt động.
83. Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Phân công trực nhật, thu dọn đồ chơi sau các giờ chơi. - Tổ chức cho trẻ lao động tự phục vụ.
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người	
84. Trẻ nhận biết cảm xúc vui buồn, ngạc nhiên tức giận, sợ hãi qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Cho trẻ nhận xét các biểu lộ cảm xúc qua tranh, qua thái độ của bạn, của cô giáo. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui buồn, ngạc nhiên, tức giận, sợ hãi) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
85. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận, sợ hãi.	- Biểu lộ, trạng thái, cảm xúc, tình cảm phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát vận động; Vẽ, nặn, Xếp hình.
86. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác	- Xem tranh ảnh, tư liệu về Bác, lắng Bác. - Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ.

Hồ, lăng Bác Hồ	- Xây dựng lăng Bác (<i>Steam</i>)
87. Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.	- Dạy trẻ các bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác
88. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước - Tổ chức cho trẻ tham quan chùa đông, nhà thờ họ Trần, lên hai vai,...
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
89. Trẻ biết và thực hiện một số quy định trong gia đình, trường, lớp mầm non.	- Hướng dẫn trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường). - Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids (Dạy bé ứng xử thông minh: Trật tự trên xe buýt)
90. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Dạy trẻ cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi làm sai, phạm lỗi - Phân biệt được hành vi đúng- sai, tốt- xấu - Dạy trẻ biết chào hỏi người lớn tuổi - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - <i>Kỹ năng chào hỏi lễ phép</i> - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids (Chuyện kể của những chú cừu/Dạy bé ứng xử thông minh).</i> - <i>Biết chào hỏi- he lo, Thank you- cảm ơn, sorry- xin lỗi</i>
- Biết sử dụng các từ tiếng anh trong chào hỏi , cảm ơn , xin lỗi	
91. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép
92. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt không tranh dành bạn, hợp tác với bạn khi chơi - <i>Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids (Dạy bé ứng xử thông minh: Đừng tranh giành nhau/ Hãy luôn đoàn kết)</i>
93. Trẻ biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Chơi cùng bạn, trực nhật cùng bạn - Quan tâm, giúp đỡ bạn - Tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức nhóm : trò chơi theo nhóm, nhiệm vụ của nhóm, hoạt động tại các góc chơi...
* Quan tâm đến môi trường	

94. Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối thân thuộc, không bỏ cành, hái hoa.	- Chăm sóc, bảo vệ con vật, cây cối - Steam: Con rắn xoay tròn. Gà chạy bằng dây Chun. Con bộ hung. Mật thư từ quả chanh. Hoa sắc màu. Bí ngô nổi giận. - KNS: Đề phòng chó mèo cắn. Phòng tránh sốt xuất huyết. Đề phòng bị ong đốt. Lịch sự khi mua hàng.
95. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. - <i>Kỹ năng phân loại rác</i>
96. Trẻ có thói quen tiết kiệm điện, nước.	- Dạy trẻ không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng - Kỹ năng sử dụng điện, nước hàng ngày

NGƯỜI LẬP KÊ HOẠCH



Tăng Thị Trúc Linh

